

Bản án số: 46/2024/HNGĐ- ST

Ngày: 18-7-2024

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con,
chia tài sản chung và cấp dưỡng nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Hoàng Môn

2. Ông Nguyễn Trường Thống

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Ngọc Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận tham gia phiên tòa:** Bà Võ Thị Tuyết Trang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 7 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 59/2024/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản chung và về cấp dưỡng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 111/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Trần Thị Trúc L, sinh năm 1999; địa chỉ: ấp V, xã T, huyện V, tỉnh Kiên Giang; có đơn xin vắng mặt

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1993; địa chỉ: ấp V, xã T, huyện V, tỉnh Kiên Giang; có đơn xin vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/4/2024 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Trần Thị Chúc L1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T trên cơ sở tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện V, tỉnh Kiên Giang vào năm 2017. Vợ chồng chung sống đầm ấm được một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm với nhau dẫn đến không có tiếng nói chung, thường xuyên cự cãi, bất hòa. Nay chị L1 xét thấy vợ chồng không thể hàn gắn được với nhau, cuộc sống không hòa hợp, tình cảm vợ chồng không còn, làm cho hôn nhân làm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị L1 yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng T.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 01 người con chung tên Nguyễn Thảo V, sinh ngày 06/3/2022, giới tính nữ, chị L1 yêu cầu được nuôi con chung yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng, cấp dưỡng cho đến khi con tròn 18 tuổi. Trong quá trình giải quyết vụ án chị L1 có văn bản tường trình thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, chỉ yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng.

Về tài sản chung: Quá trình chung sống vợ chồng tạo lập được 02 chiếc xe gắn máy có tổng giá trị 80.000.000đ cụ thể gồm 01 chiếc xe gắn máy hiệu Exciter 150 mang biển số 68N1 – 202.98 màu xanh – đen có giá trị 40.000.000đ đứng tên ông Nguyễn Hoàng T và chiếc xe gắn máy số hiệu Vario 125 mang biển số 68GA-053.74 màu đỏ - đen có giá trị 40.000.000đ đứng tên Nguyễn Hoàng T. Chị L1 yêu cầu được phân chia tài sản chung mỗi người nhận $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản chung theo phương thức nhận hiện vật chị L1 yêu cầu nhận 01 chiếc xe gắn máy Exciter 150 mang biển số 68N1 – 202.98 màu xanh – đen, giao chiếc xe gắn máy số hiệu Vario 125 mang biển số 68GA-053.74 màu đỏ - đen cho anh T toàn quyền sử dụng.

Vào ngày 11/6/2024 bà L1 có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về yêu cầu chia tài sản chung là 01 chiếc xe gắn máy hiệu Exciter 150 mang biển số 68N1 – 202.98 màu xanh – đen đứng tên ông Nguyễn Hoàng T và chiếc xe gắn máy số hiệu Vario 125 mang biển số 68GA-053.74 màu đỏ - đen đứng tên Nguyễn Hoàng T, nay xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 12/6/2024 anh Nguyễn Hoàng T trình bày: Về con chung ai nuôi cũng được nhưng về cấp dưỡng khả năng anh T có bao nhiêu thì cấp dưỡng bấy nhiêu; về yêu cầu chia tài sản chung gồm 01 chiếc xe gắn máy hiệu Exciter 150 mang biển số 68N1 – 202.98 màu xanh – đen và chiếc xe gắn máy số hiệu Vario 125 mang biển số 68GA-053.74 màu đỏ - đen thì anh T không đồng ý; về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Trúc L đối với anh Nguyễn Hoàng T. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thảo V, sinh ngày 06/3/2022, giới tính nữ cho chị L trực tiếp

nuôi dưỡng, anh **T** cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ/tháng, cấp dưỡng cho đến khi con tròn 18 tuổi, thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung là chiếc xe gắn máy hiệu Exciter 150 mang biển số 68N1 – 202.98 màu xanh – đen và chiếc xe gắn máy số hiệu Vario 125 mang biển số 68GA-053.74 màu đỏ - đen do anh **Nguyễn Hoàng T** đứng tên. Về nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn chị **Trần Thị Trúc L** và bị đơn anh **Nguyễn Hoàng T** có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét vắng mặt chị **L**, anh **T**.

[2] *Về quan hệ tranh chấp:* Chị **Trần Thị Trúc L** yêu cầu xin ly hôn, giải quyết con chung, chia tài sản chung và cấp dưỡng nuôi con với anh **Nguyễn Hoàng T** nên quan hệ tranh chấp được xác định là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản chung và cấp dưỡng nuôi con”.

[3] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị **L** và anh **T** trên cơ sở yêu thương nhau tự nguyện kết hôn vào năm 2017 và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi, bất hòa. Về mâu thuẫn giữa anh chị được chính quyền địa phương xác nhận là có thật, anh chị thường xuyên mâu thuẫn cự cãi, bất hòa, bất đồng với nhau về quan điểm sống, hiện nay anh chị đã sống ly thân không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ và cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình được quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị **Trần Thị Trúc L**.

[4] *Về quan hệ con chung:* Chị **L** và anh **T** có 01 người con chung tên **Nguyễn Thảo V**, sinh ngày 06/3/2022, giới tính nữ, hiện con chung đang sống chung cùng chị **L**, cuộc sống được đảm bảo. Vì vậy, xét về lợi ích mọi mặt và để đảm bảo cuộc sống cho cháu **V** nên căn cứ Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình nên giao cháu **V** cho chị **L** trực tiếp nuôi dưỡng, anh **T** có quyền tới lui chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

[5] *Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con:*

Chị **L** yêu cầu anh **T** cấp dưỡng nuôi con chung là **Nguyễn Thảo V**, sinh ngày 06/3/2022, giới tính nữ, cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng, thời điểm cấp dưỡng kể từ ngày quyết định/bản án có hiệu lực, cấp dưỡng nuôi con đến khi con tròn 18 tuổi. Theo xác minh tại địa phương anh **T** làm nghề tài xế lái xe tải có thu nhập ổn định mỗi tháng từ 5.000.000 đồng đến 6.000.000

đồng nên Hội đồng xét xử xét thấy anh **T** phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000 đồng/tháng là phù hợp theo quy định, việc cấp dưỡng được thực hiện vào ngày 15 hàng tháng, cấp dưỡng cho đến khi còn tròn 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực.

[6] *Về tài sản chung*: Do chị **L** có đơn rút yêu cầu chia tài sản chung nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu giải quyết chia tài sản chung của chị **L**.

[7] *Nợ chung*: Không có, không yêu cầu giải quyết.

[8] *Về án phí xin ly hôn*: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, chị **Trần Thị Trúc L** phải chịu toàn bộ, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.300.000 đồng theo biên lai thu số 0002177 ngày 16/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

- Án phí cấp dưỡng: Về án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng, anh **Nguyễn Hoàng T** là người có nghĩa vụ cấp dưỡng nên phải chịu toàn bộ án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 244, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 19, Điều 56, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1- Về quan hệ hôn nhân: Chị **Trần Thị Trúc L** được ly hôn với anh **Nguyễn Hoàng T**.

2- Về con chung: Giao con chung tên **Nguyễn Thảo V**, sinh ngày 06/3/2022, giới tính nữ cho chị **L** trực tiếp nuôi (cháu **V** hiện đang sống với chị **L**, cuộc sống đảm bảo), anh **T** có quyền tới lui chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Buộc anh **T** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng), cấp dưỡng vào ngày 15 hàng tháng, cấp dưỡng cho đến khi còn tròn 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án dân sự nếu anh **T** không trả số tiền cấp dưỡng trên thì còn phải trả khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của bộ luật dân sự 2015.

3- Về tài sản chung: Do có đơn rút yêu cầu được nhận chiếc xe gắn máy Exciter 150 mang biển số 68N1 – 202.98 màu xanh – đen, giao chiếc xe gắn máy số hiệu Vario 125 mang biển số 68GA-053.74 màu đỏ - đen cho anh **T** toàn quyền sử dụng nên đình chỉ yêu cầu của chị **L** về việc chia tài sản chung.

4- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

5- Về án phí sơ thẩm:

- Tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, chị **Trần Thị Trúc L** phải chịu toàn bộ, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.300.000 đồng theo biên lai thu số 0002177 ngày 16/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận, số tiền chênh lệch còn thừa là 1.000.000đ được hoàn trả cho chị **L**.

- Án phí cấp dưỡng: Về án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000đ, anh **Nguyễn Hoàng T** là người có nghĩa vụ cấp dưỡng nên phải chịu toàn bộ án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6- Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- UBND xã Tân Thuận;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Nguyễn Thị Phượng

